

**QUỐC HỘI**  
**Số: 72/2006/QH11**

**LUẬT**

**Người lao động Việt Nam đi làm  
nước ngoài theo hợp đồng**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này quy định về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2.** Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sau đây:

1. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo
2. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức quy định tại Điều 6 của
3. Người bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo

**Điều 3.** Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi là người lao động) tại Việt Nam, có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài theo quy định của Luật này.
2. Hợp đồng cung ứng lao động là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp, tổ

kiện, nghĩa vụ của các bên trong việc cung ứng và tiếp nhận người lao động Việt Nam

3. Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là sự thỏa thuận bằng văn bản về quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Hợp đồng cá nhân là sự thỏa thuận trực tiếp bằng văn bản giữa người lao động với người sử dụng lao động ở nước ngoài.

5. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa người lao động và người sử dụng lao động.

6. Bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài là việc người thứ ba (sau đây gọi là người bảo lãnh) cam đoan sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho người lao động nếu người lao động không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

#### **Điều 4.** Nội dung hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài bao gồm các nội dung sau đây:

1. Ký kết các hợp đồng liên quan đến việc người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
2. Tuyển chọn lao động;
3. Dạy nghề, ngoại ngữ cho người lao động; tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động;
4. Thực hiện Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
5. Quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
6. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
7. Thanh lý hợp đồng giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
8. Các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân có liên quan đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

#### **Điều 5.** Chính sách của Nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Tạo điều kiện thuận lợi để công dân Việt Nam có đủ điều kiện đi làm việc ở nước ngoài.
2. Bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài và của người sử dụng lao động ở nước ngoài.
3. Hỗ trợ đầu tư mở thị trường lao động mới, thị trường có thu nhập cao, thị trường thiếu hụt nhân lực, dạy nghề, ngoại ngữ cho người lao động.
4. Có chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng chính sách xã hội đi làm việc ở nước ngoài.
5. Khuyến khích đưa nhiều người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài có thu nhập cao; khuyến khích đưa người lao động đi làm việc tại công trình

chức, cá nhân trúng thầu, nhận thầu, đầu tư thành lập ở nước ngoài.

## **Điều 6.** Các hình thức đi làm việc ở nước ngoài

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo một trong các hình thức sau đây:

1. Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động chức sự nghiệp được phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
2. Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trúng thầu có đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
3. Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập né làm việc dưới hình thức thực tập nâng cao tay nghề;
4. Hợp đồng cá nhân.

## **Điều 7.** Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (s: kiện theo quy định của Luật này.
2. Sử dụng Giấy phép của doanh nghiệp khác hoặc cho người khác sử dụng Giấy phép nước ngoài.
3. Giao nhiệm vụ điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc người đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên do vi phạm qu ngoài.
4. Đi làm việc hoặc đưa người lao động đi làm việc ở khu vực, ngành, nghề và công v nước tiếp nhận người lao động cho phép.
5. Lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức đưa cô
6. Lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức tuyển c
7. Tổ chức đưa người lao động ra nước ngoài làm việc khi chưa đăng ký hợp đồng vớ này.
8. Sau khi nhập cảnh không đến nơi làm việc hoặc bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo
9. Ở lại nước ngoài trái phép sau khi hết hạn Hợp đồng lao động.
10. Lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người lao động Việt Nam ở lại nước ngoài trái quy định của |
11. Gây phiền hà, cản trở, sách nhiễu người lao động hoặc doanh nghiệp, tổ chức sự động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

## **Chương II**

## DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở

### Mục 1

#### DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

**Điều 8.** Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là ngành, nghề kinh doanh có lợi cho xã hội.
2. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp) phải được thành lập theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
3. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
4. Chính phủ quy định các loại hình doanh nghiệp được hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Điều 9.** Điều kiện cấp Giấy phép

Doanh nghiệp có vốn pháp định quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đề án hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
2. Có bộ máy chuyên trách để bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; có phương án tổ chức bộ máy chuyên trách đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
3. Người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
4. Có tiền ký quỹ theo quy định của Chính phủ.

**Điều 10.** Hồ sơ, thủ tục và lệ phí cấp Giấy phép

1. Hồ sơ cấp Giấy phép bao gồm:
  - a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp;
  - b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - c) Các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về vốn pháp định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này.
2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản

hội xem xét cấp Giấy phép cho doanh nghiệp sau khi lấy ý kiến của một trong những cơ

a) Thủ trưởng cơ quan ra quyết định thành lập hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ thành

b) Người ra quyết định thành lập đối với doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức nghiệp;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã nghiệp.

4. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí. Mức lệ phí cấp Giấy phép do Ch

### **Điều 11. Đổi Giấy phép**

1. Doanh nghiệp dịch vụ được đổi Giấy phép khi được cấp lại Giấy chứng nhận đăng k có đủ điều kiện về vốn pháp định quy định tại khoản 2 Điều 8 và các điều kiện quy định

2. Hồ sơ đổi Giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đổi Giấy phép của doanh nghiệp dịch vụ;

b) Giấy phép đã được cấp cho doanh nghiệp dịch vụ;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lại;

d) Các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về vốn pháp định quy định tại khoản 2 Điều 8 v

3. Thủ tục đổi Giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký k đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; quá thời hạn này mà doanh nghiệp không lục;

b) Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại k Xã hội xem xét đổi Giấy phép cho doanh nghiệp dịch vụ, nếu không đổi Giấy phép phải

4. Trong thời gian từ ngày được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho đế việc không được đổi Giấy phép, doanh nghiệp được tiếp tục hoạt động dịch vụ đưa ngu

5. Trường hợp không được đổi Giấy phép, doanh nghiệp phải chấm dứt việc ký kết cá kể từ ngày nhận được thông báo về việc không được đổi Giấy phép.

Sau chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc không được đổi Giấy | định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 4 của Luật này.

6. Doanh nghiệp được đổi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp lệ phí

định tại khoản 4 Điều 10 của Luật này.

### **Điều 12. Cấp lại Giấy phép**

1. Doanh nghiệp dịch vụ được cấp lại Giấy phép khi Giấy phép bị mất, bị cháy, bị hư hỏng
2. Hồ sơ cấp lại Giấy phép bao gồm:
  - a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép của doanh nghiệp dịch vụ;
  - b) Giấy phép bị hư hỏng hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an nơi doanh nghiệp mất, bị cháy.
3. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại và Xã hội cấp lại Giấy phép cho doanh nghiệp dịch vụ.
4. Doanh nghiệp được cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp lệ phí quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật này.

### **Điều 13. Công bố Giấy phép**

1. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được cấp hoặc đổi Giấy phép, doanh nghiệp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp hoặc đổi Giấy phép, doanh nghiệp viết của trung ương hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

### **Điều 14. Đình chỉ có thời hạn hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài**

1. Doanh nghiệp dịch vụ bị đình chỉ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nếu:
  - a) Không thực hiện đúng việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ quy định tại Điều 22 và 23 đến sáu tháng;
  - b) Bị xử phạt vi phạm hành chính từ hai lần trở lên trong thời hạn mười hai tháng do vi phạm;
  - c) Vi phạm quy định tại một trong các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 của Luật này thì trường hợp bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật này
2. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đồng cung ứng lao động và không được tuyển chọn lao động.

### **Điều 15. Nộp lại Giấy phép, thu hồi Giấy phép**

1. Doanh nghiệp dịch vụ phải nộp lại Giấy phép cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:
  - a) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;

b) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước n

2. Doanh nghiệp dịch vụ bị thu hồi Giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau đ

a) Không làm thủ tục đổi Giấy phép hoặc không được đổi Giấy phép;

b) Không bảo đảm các quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8, khoản 3 và khoản 4 chức bộ máy quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này;

c) Trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép, mà không đưa đượ

d) Vi phạm quy định tại một trong các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7, thực hiện không c này gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất và tinh thần đối với người lao động.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy phép; công trong các tờ báo viết của trung ương hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp; thông báo nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Doanh nghiệp dịch vụ bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại các điểm a, b và c khoản từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, nếu có đủ điều kiện về vốn pháp địn Điều 9 của Luật này.

5. Doanh nghiệp dịch vụ bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều n Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, nếu có đủ điều kiện về vốn pháp địn quy địn Luật này và đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định của

**Điều 16.** Chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở

1. Doanh nghiệp dịch vụ được giao nhiệm vụ cho không quá ba chi nhánh ở ba tỉnh, t quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện một số nội dung trong hoạt động dịch vụ đư

2. Chi nhánh được giao nhiệm vụ hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở r

a) Có quyết định của doanh nghiệp dịch vụ giao nhiệm vụ cho chi nhánh;

b) Chi nhánh phải niêm yết công khai địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ giao dịch tl

c) Có phân công cụ thể cán bộ, viên chức phụ trách hoạt động dịch vụ đưa người lao đ

3. Chi nhánh quy định tại khoản 1 Điều này không được thực hiện các hoạt động sau đ

a) Ký kết Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nu

b) Thu tiền dịch vụ, tiền môi giới và tiền ký quỹ của người lao động, trừ trường hợp đượ

4. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày giao nhiệm vụ cho chi nhánh, doanh nghi và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chi nhánh.

5. Chi nhánh phải báo cáo định kỳ, đột xuất và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Sở Lao đ

6. Chi nhánh phải niêm yết công khai quyết định của doanh nghiệp dịch vụ giao nhiệm vụ tại trụ sở chi nhánh.

**Điều 17.** Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nu

1. Hợp đồng cung ứng lao động phải phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật của nư sau đây:

- a) Thời hạn của hợp đồng;
- b) Số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài; ngành, nghề, công việc phải làm
- c) Địa điểm làm việc;
- d) Điều kiện, môi trường làm việc;
- đ) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;
- e) An toàn và bảo hộ lao động;
- g) Tiền lương, tiền công, các chế độ khác và tiền thưởng (nếu có); tiền làm thêm giờ;
- h) Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt;
- i) Chế độ khám bệnh, chữa bệnh;
- k) Chế độ bảo hiểm xã hội;
- l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
- m) Trách nhiệm trả chi phí giao thông từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại;
- n) Tiền môi giới (nếu có);
- o) Trách nhiệm của các bên khi người lao động bị chết trong thời gian làm việc ở nước
- p) Giải quyết tranh chấp;
- q) Trách nhiệm giúp đỡ người lao động gửi tiền về nước.

2. Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và Hợp đồng lao động ph đồng cung ứng lao động. Các thỏa thuận về tiền môi giới, tiền dịch vụ, tiền ký quỹ của lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu và nội dung của Hợp đồng cun ở nước ngoài phù hợp với từng thị trường lao động.

**Điều 18.** Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động

1. Hợp đồng cung ứng lao động phải được đăng ký với Bộ Lao động - Thương binh và



2. Hợp đồng cung ứng lao động có hiệu lực sau khi được Bộ Lao động - Thương binh
3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp, nếu không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

#### **Điều 19.** Hồ sơ đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động

Hồ sơ đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động bao gồm:

1. Văn bản đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp dịch vụ;
2. Bản sao Hợp đồng cung ứng lao động, có bản dịch bằng tiếng Việt;
3. Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với
4. Phương án thực hiện Hợp đồng cung ứng lao động;
5. Các tài liệu khác có liên quan theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã h

#### **Điều 20.** Tiền môi giới

1. Tiền môi giới là khoản chi phí mà doanh nghiệp dịch vụ phải trả cho bên môi giới để l  
Người lao động có trách nhiệm hoàn trả cho doanh nghiệp dịch vụ một phần hoặc toàn  
binh và Xã hội.
2. Doanh nghiệp dịch vụ đàm phán, quyết định mức tiền môi giới trong mức trần quy địn
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính quy định mứ

#### **Điều 21.** Tiền dịch vụ

1. Tiền dịch vụ là khoản chi phí mà người lao động phải trả cho doanh nghiệp dịch vụ  
nước ngoài.
2. Doanh nghiệp dịch vụ thoả thuận với người lao động về việc thu tiền dịch vụ một l  
trong thời gian người lao động làm việc ở nước ngoài.
3. Trong trường hợp người lao động đã nộp tiền dịch vụ cho cả thời gian làm việc the  
của người lao động thì doanh nghiệp dịch vụ phải hoàn trả cho người lao động phần  
Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính quy định mứ

#### **Điều 22.** Tiền ký quỹ của doanh nghiệp dịch vụ

1. Tiền ký quỹ của doanh nghiệp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật này đượ  
các vấn đề phát sinh trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiệ  
động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 của Luật này, tiền ký quỹ của quyền sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh đối với người lao động đến th nghiệp được sử dụng để thanh toán các khoản nợ khác theo quy định của pháp luật về

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt của doanh nghiệp.

### **Điều 23.** Tiền ký quỹ của người lao động

1. Người lao động thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ về việc ký quỹ theo quy định tại Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Người lao động trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp dịch vụ nộp tiền ký quỹ và thương mại để giữ tiền ký quỹ của người lao động.

3. Tiền ký quỹ của người lao động được hoàn trả cả gốc và lãi cho người lao động khi ngoài.

Trường hợp người lao động vi phạm Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở r nghiệp dịch vụ sử dụng để bù đắp thiệt hại phát sinh do lỗi của người lao động gây ra hại, nếu tiền ký quỹ không đủ thì người lao động phải nộp bổ sung, nếu còn thừa thì ph

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể thị trường lao động mà doanh việc nộp tiền ký quỹ; quy định thống nhất trong phạm vi cả nước mức trần tiền ký quỹ mà doanh nghiệp dịch vụ được thỏa thuận với người lao động về việc nộp tiền ký quỹ định cụ thể việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của người lao động.

### **Điều 24.** Trách nhiệm của doanh nghiệp dịch vụ trong trường hợp nộp lại hoặc bị thu h

1. Doanh nghiệp dịch vụ nộp lại hoặc bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 và hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động c

2. Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp dịch vụ trong trường hợp d hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật này.

3. Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của người lao động trong trường hợp doanh n hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật này.

### **Điều 25.** Trách nhiệm của doanh nghiệp dịch vụ trong trường hợp bị giải thể

1. Doanh nghiệp dịch vụ chỉ được giải thể sau khi đã hoàn thành mọi nghĩa vụ trong động đi làm việc ở nước ngoài còn hiệu lực và bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ v

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, doanh nghiệp c về tình hình của người lao động do doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài và pl Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

3. Doanh nghiệp dịch vụ được thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ khác có Giấy ph

đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn Thương binh và Xã hội chấp thuận.

Khi chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp dịch vụ khác, tiền ký quỹ của ng bảo lãnh được chuyển cho doanh nghiệp tiếp nhận. Sau khi hoàn thành việc chuyển gi  
- Thương binh và Xã hội và bên nước ngoài biết.

4. Sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việ ký quỹ còn lại của doanh nghiệp để thanh toán các khoản nợ khác.

#### **Điều 26.** Trách nhiệm của doanh nghiệp dịch vụ trong trường hợp bị phá sản

1. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, d binh và Xã hội tình hình của người lao động do doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nướ nghiệp trong Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở

2. Doanh nghiệp dịch vụ tạm dừng việc ký kết hợp đồng, tổ chức tuyển chọn và đưa ng ra quyết định mở thủ tục phá sản cho đến khi Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phụ

3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp trường hợp Tòa án quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản được quy định như sau:

a) Doanh nghiệp dịch vụ được thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ khác có Giấy phép ứng lao động, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hiệu lực r binh và Xã hội chấp thuận.

Khi chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp dịch vụ khác, tiền ký quỹ của ng bảo lãnh được chuyển cho doanh nghiệp tiếp nhận. Sau khi hoàn thành việc chuyển gi  
- Thương binh và Xã hội và bên nước ngoài biết;

b) Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ không thỏa thuận được việc chuyển giao cho d Thương binh và Xã hội hồ sơ của người lao động đang làm việc ở nước ngoài, tiền k hiện nghĩa vụ bảo lãnh, tiền dịch vụ thu trước của người lao động để Bộ Lao động - Tl người lao động đang làm việc ở nước ngoài do doanh nghiệp đưa đi theo quy định của

#### **Điều 27.** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp dịch vụ

1. Doanh nghiệp dịch vụ có các quyền sau đây:

a) Thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tổ chức

b) Ký kết Hợp đồng cung ứng lao động với bên nước ngoài, Hợp đồng đưa người lao đồng bảo lãnh với người bảo lãnh trước khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Thỏa thuận với người lao động về việc ký quỹ, giới thiệu người bảo lãnh;

d) Yêu cầu người lao động hoặc người bảo lãnh bồi thường thiệt hại do người lao động

đ) Đơn phương thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau

trong thời gian một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày người lao động chấm dứt Hợp đồng hợp pháp của người lao động không đến thanh lý hợp đồng;

e) Khiếu nại, khởi kiện về các quyết định hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động

2. Doanh nghiệp dịch vụ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại các điều 13, 16, 18, 23, 24, 25 và 26 của Luật này;

b) Trực tiếp tuyển chọn người lao động và không được thu phí tuyển chọn của người nghiệp phải thông báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; định kỳ sáu tháng, n kết quả tuyển chọn và số lượng người lao động của địa phương đã được đưa đi làm vi

c) Phối hợp với chính quyền địa phương thông báo công khai, cung cấp cho người lao chọn và các điều kiện của Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

d) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tổ chức hoặc liên kết với cơ sở dạy nghề, c người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với yêu cầu của từng thị tr

đ) Tổ chức quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động do doanh nghiệ

e) Phối hợp với bên nước ngoài giải quyết các vấn đề phát sinh khi người lao động ch bị xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và giải quyết tranh chấp l

g) Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước n lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài;

h) Bồi thường cho người lao động, người bảo lãnh về những thiệt hại do doanh nghiệp

i) Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với người lao động

k) Đóng góp vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của Luật này;

l) Định kỳ hằng năm, đột xuất báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hìr

## Mục 2

### DOANH NGHIỆP TRÚNG THẦU, NHẬN THẦU ĐU

#### ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGO

**Điều 28.** Điều kiện đưa người lao động đi làm việc tại công trình, dự án mà doanh nghiệ

Doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài được đưa người sau đây:

1. Được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép;

2. Người lao động được doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài phải có Hợp đờr

về lao động;

3. Chỉ được đưa người lao động đi làm việc tại các công trình, dự án mà doanh nghiệp
4. Có phương án sử dụng và quản lý người lao động ở nước ngoài; có phương án tài khả kháng;
5. Bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người lao động làm việc ở nước ngoài cho doanh nghiệp nước mà người lao động đến làm việc.

### **Điều 29.** Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài kèm theo bản sao Hợp đồng trúng thầu người lao động ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài cho Bộ Lao
2. Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài bao gồm các nội dung sau đây
  - a) Phương án sử dụng và quản lý người lao động ở nước ngoài, trong đó nêu rõ số việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, điều kiện sinh hoạt, chế độ khám liên quan đến người lao động;
  - b) Phương án tài chính đưa người lao động về nước trong trường hợp bất khả kháng.
3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hội phải xem xét và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp, nếu không chấp thuận phải

### **Điều 30.** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu

Doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài;
2. Trực tiếp tổ chức đưa đi, quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài;
3. Ký kết và thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với người lao động nước ngoài phải có nội dung phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật này;
4. Bảo đảm tiền lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật nước mà người lao động đến làm việc;
5. Bảo đảm điều kiện lao động, điều kiện sinh hoạt, bảo hiểm xã hội cho người lao động nước mà người lao động đến làm việc;
6. Bảo đảm để người lao động được kiểm tra sức khỏe định kỳ và khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người lao động không còn khả năng tiếp tục làm việc ở nước ngoài, doanh nghiệp phải đưa người lao động về nước;
7. Tổ chức đưa di hài hoặc thi hài người lao động chết trong thời gian làm việc ở nước

chế độ bồi thường, trợ cấp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

8. Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; động trong thời gian làm việc ở nước ngoài;

9. Định kỳ hằng năm, đột xuất và khi hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu, báo cáo người lao động của doanh nghiệp đi làm việc ở nước ngoài.

### Mục 3

## TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

**Điều 31.** Điều kiện đưa người lao động đi làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh do tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư ra nước ngoài được đưa người lao động đi làm việc

1. Được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép;
2. Chỉ được đưa người lao động đi làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh do tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài;
3. Có phương án sử dụng và quản lý người lao động ở nước ngoài; có phương án tài chính bảo đảm;
4. Bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật Việt Nam.

**Điều 32.** Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài phải báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký người lao động ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành).
2. Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Phương án sử dụng và quản lý người lao động, trong đó nêu rõ số lượng người lao động, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, điều kiện sinh hoạt, chế độ khám bệnh, chữa bệnh;
  - b) Phương án tài chính đưa người lao động về nước trong trường hợp bất khả kháng.
3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, Hội đồng quản trị, Hội đồng giám sát và điều hành phải xem xét và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài, nếu được chấp thuận.

**Điều 33.** Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài;
2. Trực tiếp tổ chức đưa đi, quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài;
3. Ký kết và thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với người lao động nước ngoài phải có nội dung phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật này;
4. Bảo đảm quyền lợi của người lao động, giải quyết các vấn đề phát sinh theo Hợp đồng;
5. Bảo đảm điều kiện lao động, điều kiện sinh hoạt, bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật Việt Nam;
6. Bảo đảm để người lao động được kiểm tra sức khỏe định kỳ và khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp người lao động không còn khả năng tiếp tục làm việc ở nước ngoài, tổ chức phải tổ chức và chịu chi phí đưa người lao động về nước;
7. Tổ chức đưa di hài hoặc thi hài người lao động chết trong thời gian làm việc ở nước ngoài chế độ bồi thường, trợ cấp khác theo pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc;
8. Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc ở nước ngoài;
9. Định kỳ hằng năm, đột xuất báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình

#### Mục 4

### DOANH NGHIỆP ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HÌNH THỨC THỰC TẬP NÂNG CAO

**Điều 34.** Điều kiện đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập

Doanh nghiệp được đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập

1. Có hợp đồng với cơ sở thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động đi làm việc (sau đây gọi là Hợp đồng nhận lao động thực tập) quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật này;
2. Có Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập (sau đây gọi là Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập) quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật này; người lao động được ký Hợp đồng lao động với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động;
3. Ngành, nghề người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nằm trong danh mục ngành, nghề được đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao của doanh nghiệp;
4. Có tiền ký quỹ thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập theo quy định của Chính phủ.

**Điều 35.** Hợp đồng nhận lao động thực tập, Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập

1. Hợp đồng nhận lao động thực tập là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp nghiệp vụ của các bên trong việc cung ứng và tiếp nhận người lao động đi làm việc theo
2. Hợp đồng nhận lao động thực tập phải phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nội dung chính sau đây:
  - a) Thời hạn thực tập;
  - b) Số lượng người lao động đi làm việc theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề; nghề
  - c) Địa điểm thực tập;
  - d) Điều kiện, môi trường thực tập;
  - đ) Thời giờ thực tập, thời giờ nghỉ ngơi;
  - e) An toàn và bảo hộ lao động;
  - g) Tiền lương, thu nhập;
  - h) Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt;
  - i) Chế độ khám bệnh, chữa bệnh;
  - k) Chế độ bảo hiểm xã hội;
  - l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
  - m) Trách nhiệm trả chi phí giao thông từ Việt Nam đến nơi thực tập và ngược lại;
  - n) Trách nhiệm của các bên trong trường hợp người lao động chết trong thời gian làm
  - o) Giải quyết tranh chấp;
  - p) Trách nhiệm giúp đỡ người lao động gửi tiền về nước.
3. Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp nghiệp vụ và người lao động về quyền và nghĩa vụ của các bên.
4. Hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề (sau đây gọi là Hợp đồng thực tập) là sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp nghiệp vụ và người lao động về quyền và nghĩa vụ của các bên theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài.
5. Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập và Hợp đồng thực tập phải có nội dung phù hợp với pháp luật Việt Nam.

### **Điều 36. Đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập**

1. Hợp đồng nhận lao động thực tập phải đăng ký theo quy định sau đây:
  - a) Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực



đăng ký tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập đăng ký tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho doanh nghiệp, nếu không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

### **Điều 37.** Hồ sơ đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập

Hồ sơ đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập bao gồm:

1. Văn bản đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập;
2. Bản sao Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt;
3. Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập;
4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy tờ chứng minh việc ký quỹ Luật này.

### **Điều 38.** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp có các quyền sau đây:

- a) Ký kết Hợp đồng nhận lao động thực tập với cơ sở tiếp nhận thực tập; ký kết Hợp đồng trước khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề;
- b) Yêu cầu người lao động bồi thường thiệt hại do người lao động gây ra theo quy định;
- c) Khiếu nại, khởi kiện về quyết định hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Doanh nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông báo công khai, cung cấp cho người lao động đầy đủ các thông tin về điều kiện làm việc, mức lương, chế độ bảo hiểm, chế độ nghỉ ngơi, chế độ ăn uống, chế độ y tế, chế độ đào tạo, chế độ nâng cao tay nghề;
- b) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tổ chức hoặc liên kết với cơ sở đào tạo ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề phù hợp với yêu cầu của nước tiếp nhận;
- c) Tổ chức quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động do doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài;
- d) Phối hợp với cơ sở tiếp nhận thực tập giải quyết các vấn đề phát sinh khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài, bị xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và giải quyết tranh chấp;
- đ) Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề;

- e) Bồi thường cho người lao động về những thiệt hại do doanh nghiệp gây ra theo quy
- g) Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập với người lao động theo quy định
- h) Giải quyết quyền lợi cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức th
- bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
- i) Định kỳ, đột xuất báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp l

## Mục 5

### TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

**Điều 39.** Điều kiện để tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Tổ chức sự nghiệp được đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi có đủ các đ

1. Là tổ chức sự nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
2. Được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính
- ngoài;
3. Người lãnh đạo điều hành tổ chức sự nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có
- động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động trong lĩnh vực hợp tác và quan hệ quốc
4. Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức sự nghiệp là ho

**Điều 40.** Các trường hợp tổ chức sự nghiệp được đưa người lao động đi làm việc ở n

Tổ chức sự nghiệp được đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong các trườ

1. Thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
2. Thực hiện thoả thuận quốc tế do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ký
3. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định

**Điều 41.** Quyền và nghĩa vụ của tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở r

1. Tổ chức sự nghiệp có các quyền sau đây:
  - a) Tổ chức tuyển chọn, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
  - b) Ký kết Hợp đồng cung ứng lao động với đối tác nước ngoài, ký kết Hợp đồng đư
  - động theo quy định tại Điều 17 của Luật này;
  - c) Yêu cầu người lao động giới thiệu người bảo lãnh;

d) Được thu một khoản tiền của người lao động để chi phí cho việc thực hiện đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này;

đ) Yêu cầu người lao động bồi thường thiệt hại do người lao động gây ra theo quy định;

e) Khiếu nại, khởi kiện về quyết định hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

g) Đơn phương thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng hoặc tổ chức sự nghiệp đã ba lần thông báo bằng thư bảo đảm trong thời hạn 15 ngày trước khi hết hạn Hợp đồng lao động, mà người lao động hoặc người được ủy quyền hợp pháp của người lao động không đồng ý;

2. Tổ chức sự nghiệp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng phương án tổ chức thực hiện việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

b) Báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về nội dung của Hợp đồng cung ứng người lao động đi làm việc ở nước ngoài và phương án tổ chức thực hiện trước khi đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Định kỳ, đột xuất báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bộ, cơ quan ngang bộ về tình hình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

d) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tổ chức hoặc liên kết với cơ sở dạy nghề, cơ sở kỹ thuật, nghiệp vụ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này;

đ) Báo cáo và phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài để quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài, giải quyết các vấn đề phát sinh đối với người lao động làm việc ở nước ngoài quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài tùy theo yêu cầu của pháp luật nước ngoài;

e) Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với người lao động theo quy định của pháp luật.

### Chương III

## NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

### Mục 1

## NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

## VỚI DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP, T

## ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

**Điều 42.** Điều kiện để người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, đầu tư ra nước ngoài

Người lao động được đi làm việc ở nước ngoài khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Tự nguyện đi làm việc ở nước ngoài;
3. Có ý thức chấp hành pháp luật, tư cách đạo đức tốt;
4. Đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của nước tiếp nhận;
5. Đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề và các đi động;
6. Được cấp chứng chỉ về bồi dưỡng kiến thức cần thiết;
7. Không thuộc trường hợp cấm xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 43.** Hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài

1. Người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài phải nộp hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài, cá nhân đầu tư ra nước ngoài đưa đi làm việc ở nước ngoài.
2. Hồ sơ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài gồm có:
  - a) Đơn đi làm việc ở nước ngoài;
  - b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú nhận xét về ý thức chấp hành pháp luật, tư cách đạo đức;
  - c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;
  - d) Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, chuyên môn, tay nghề và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức;
  - đ) Giấy tờ khác theo yêu cầu của bên tiếp nhận lao động.

#### **Điều 44.** Quyền của người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài Nam về người lao động đi làm việc ở nước ngoài; thông tin về chính sách, pháp luật người lao động; quyền và nghĩa vụ của các bên khi đi làm việc ở nước ngoài;
2. Hưởng tiền lương, tiền công, thu nhập khác, chế độ khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm xã hội và điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40;
3. Được doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài, cơ sở bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước tiếp nhận trong thời gian làm việc ở nước ngoài; được tư vấn, hỗ trợ để thực hiện các quyền thực tập;

4. Chuyển về nước tiền lương, tiền công, thu nhập và tài sản khác của cá nhân theo qui định của pháp luật;
5. Hưởng các quyền lợi từ Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của pháp luật;
6. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện về những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động.

#### **Điều 45.** Nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài có các nghĩa vụ sau đây:

1. Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; tôn trọng phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng của nước tiếp nhận người lao động và người lao động của các nước khác;
2. Chủ động học nghề, học ngoại ngữ, tìm hiểu các quy định của pháp luật có liên quan;
3. Tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi đi làm việc ở nước ngoài;
4. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước tiếp nhận người lao động;
5. Làm việc đúng nơi quy định; thực hiện nội quy nơi làm việc và về nước sau khi chấm dứt hợp đồng của nước tiếp nhận người lao động;
6. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do vi phạm hợp đồng đã ký theo quy định của pháp luật;
7. Tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hình thức bảo hiểm khác;
8. Nộp thuế thu nhập theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước tiếp nhận người lao động;
9. Đóng góp vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của Luật này.

#### **Điều 46.** Quyền và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng doanh nghiệp dịch vụ

Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Luật này, người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp dịch vụ còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Ký kết Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp dịch vụ;
2. Được bổ túc nghề và có ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của Hợp đồng lao động;
3. Được vay vốn của tổ chức tín dụng để đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
4. Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp dịch vụ vi phạm Hợp đồng lao động;
5. Được gia hạn Hợp đồng lao động hoặc ký kết Hợp đồng lao động mới phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Trả tiền dịch vụ và hoàn trả tiền môi giới (nếu có) cho doanh nghiệp dịch vụ;

7. Ký quỹ hoặc giới thiệu người bảo lãnh theo thoả thuận với doanh nghiệp dịch vụ để việc ở nước ngoài;

8. Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp chấm dứt Hợp đồng lao động.

**Điều 47.** Quyền và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài

Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Luật này, người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Ký kết Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp nh nước ngoài;

2. Được bổ túc nghề và có ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

3. Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu h Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

4. Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi lao động ở nước ngoài với doanh nghiệp nước ngoài.

**Điều 48.** Quyền và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức hợp đồng đưa người lao động đi thực tập

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Luật này, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức hợp đồng đưa người lao động đi thực tập có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Ký kết Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập với doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập;

2. Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp đưa người lao động đi là thực tập vi phạm Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập;

3. Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập với doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập.

**Điều 49.** Quyền và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu

Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Luật này, người lao động đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức sự nghiệp còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Ký kết Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức sự nghiệp

2. Giới thiệu người bảo lãnh theo yêu cầu của tổ chức sự nghiệp;

3. Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp tổ chức sự nghiệp vi phạm Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Nộp khoản tiền theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật này;
5. Thanh lý Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức sự chấm dứt Hợp đồng lao động;
6. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 46 của Luật này.

## Mục 2

### NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG CÁ NHÂN

**Điều 50.** Điều kiện đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng cá nhân  
Người lao động được đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng cá nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 7 Điều 42 của Luật này;
2. Có Hợp đồng cá nhân theo quy định tại Điều 51 của Luật này;
3. Có Giấy xác nhận việc đăng ký Hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú.

**Điều 51.** Hợp đồng cá nhân

1. Hợp đồng cá nhân phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước ngoài và pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi người lao động đi làm việc;
2. Hợp đồng cá nhân bao gồm những nội dung chính sau đây:
  - a) Ngành, nghề, công việc phải làm;
  - b) Thời hạn của hợp đồng;
  - c) Địa điểm làm việc;
  - d) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;
  - đ) Tiền lương, tiền công; tiền làm thêm giờ;
  - e) Chế độ khám bệnh, chữa bệnh;
  - g) Chế độ bảo hiểm xã hội;
  - h) Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong trường hợp người lao động chết trong quá trình đi làm việc;
  - i) Giải quyết tranh chấp.

**Điều 52.** Hồ sơ, thủ tục đăng ký Hợp đồng cá nhân

1. Hồ sơ đăng ký Hợp đồng cá nhân với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động đi làm việc ở nước ngoài bao gồm:

- a) Đơn đăng ký kèm theo bản sao Hợp đồng cá nhân, có bản dịch bằng tiếng Việt;
- b) Bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
- c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người lao động cư trú hoặc người lao động và nhận xét về ý thức chấp hành pháp luật, tư cách đạo đức.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động Thương binh và Xã hội phải trả lời và nêu rõ lý do.

Giấy xác nhận việc đăng ký Hợp đồng cá nhân phải được xuất trình khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**Điều 53.** Quyền và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng cá nhân

1. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng cá nhân có các quyền sau đây:

- a) Được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của nước ngoài;
- b) Được cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo pháp luật và thông lệ quốc tế trong thời gian đi làm việc ở nước ngoài;
- c) Hưởng các quyền lợi từ Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- d) Được chuyển về nước tiền lương, tiền công, thu nhập và tài sản khác của cá nhân và gia đình;
- đ) Được gia hạn Hợp đồng hoặc ký Hợp đồng lao động mới phù hợp với quy định pháp luật.

2. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng cá nhân có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Đăng ký Hợp đồng cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật này;
- b) Tìm hiểu các quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc;
- d) Thực hiện đúng Hợp đồng cá nhân và nội quy nơi làm việc;
- đ) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do vi phạm hợp đồng đã ký theo quy định pháp luật;
- e) Tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hình thức bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc;
- g) Nộp thuế thu nhập theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc;
- h) Đóng góp vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của Luật này;
- i) Đăng ký công dân tại cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam tại nước mà người lao động đến làm việc.



## Mục 3

## BẢO LÃNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC

**Điều 54.** Điều kiện của người bảo lãnh

Người bảo lãnh phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Có khả năng về kinh tế đáp ứng điều kiện trong Hợp đồng bảo lãnh.

**Điều 55.** Phạm vi bảo lãnh

1. Việc bảo lãnh được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Người lao động đi làm việc theo Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước đủ tiền ký quỹ theo quy định tại Điều 23 của Luật này;
- b) Người lao động đi làm việc theo Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước hiện việc bảo lãnh.

2. Người bảo lãnh thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp về trách nhiệm người lao động đối với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp.

3. Trường hợp người lao động vi phạm Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước, tổ chức sự nghiệp mà người lao động không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình để bù đắp thiệt hại phát sinh do người lao động gây ra cho doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp thì người bảo lãnh còn thừa thì phải trả lại cho người bảo lãnh.

**Điều 56.** Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do người bảo lãnh và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp thỏa thuận. Người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong một thời hạn hợp lý do doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp chấp thuận. Người bảo lãnh nhận được thông báo của doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp về

**Điều 57.** Hợp đồng bảo lãnh

1. Hợp đồng bảo lãnh phải được lập thành văn bản.
2. Hợp đồng bảo lãnh phải có những nội dung chính sau đây:
  - a) Phạm vi bảo lãnh;
  - b) Quyền và nghĩa vụ các bên tham gia Hợp đồng bảo lãnh;
  - c) Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
  - d) Xử lý tài sản của người bảo lãnh.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp quy định chi đồng bảo lãnh.

**Điều 58.** Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

1. Doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp có thể thỏa thuận với người bảo lãnh về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
2. Việc cầm cố, thế chấp hoặc ký quỹ được lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong Hợp
3. Việc xác lập, thực hiện biện pháp cầm cố, thế chấp hoặc ký quỹ để bảo đảm thực l pháp luật.

Mục 4

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG S

**Điều 59.** Hỗ trợ việc làm

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thông báo cho người lao đ hướng dẫn, giới thiệu người lao động đăng ký tìm việc làm phù hợp.
2. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tiếp nhận và tuyển dụng người lao động v

**Điều 60.** Khuyến khích tạo việc làm

1. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động về nước đầu tư khác.
2. Người lao động gặp khó khăn thì được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật đ

Chương IV

DẠY NGHỀ, NGOẠI NGỮ

VÀ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC CẦN

**Điều 61.** Mục đích dạy nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết

Dạy nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động nhằm tạo ngu nghề, ngoại ngữ, kiến thức pháp luật và kiến thức cần thiết khác phù hợp với yêu cầu c

**Điều 62.** Trách nhiệm của người lao động trong việc học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng k

1. Người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài phải chủ động học ngh khóa bồi dưỡng kiến thức cần thiết do doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá r ở nước ngoài tổ chức.
2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ đối với người lao động là đối tượng chính sách xã h

**Điều 63.** Dạy nghề, dạy ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài đưa người hoặc liên kết với cơ sở dạy nghề, cơ sở đào tạo để đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động.

**Điều 64.** Chính sách đối với cơ sở dạy nghề

Nhà nước có chính sách đầu tư cho các cơ sở dạy nghề tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho các cơ sở dạy nghề tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo điều kiện về trang bị, thiết bị, chương trình, giáo trình và đội ngũ giáo viên để đào tạo người lao động đi làm việc ở nước ngoài đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

**Điều 65.** Bồi dưỡng kiến thức cần thiết

1. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài bồi dưỡng kiến thức cần thiết, kiểm tra và cấp chứng chỉ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

2. Nội dung bồi dưỡng kiến thức cần thiết bao gồm:

- a) Truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc;
  - b) Những nội dung cơ bản liên quan về pháp luật lao động, hình sự, dân sự, hành chính;
  - c) Nội dung hợp đồng ký giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài và người lao động;
  - d) Kỹ luật lao động, an toàn và vệ sinh lao động;
  - đ) Phong tục tập quán, văn hoá của nước tiếp nhận người lao động;
  - e) Cách thức ứng xử trong lao động và đời sống;
  - g) Sử dụng các phương tiện giao thông đi lại, mua bán, sử dụng các dụng cụ, thiết bị phục vụ lao động;
  - h) Những vấn đề cần chủ động phòng ngừa trong thời gian sống và làm việc ở nước ngoài.
3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể chương trình, thời gian bồi dưỡng kiến thức cần thiết.

**Chương V****QUỸ HỖ TRỢ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC****Điều 66.** Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước nhằm phát triển và mở rộng thị trường lao động ngoài nước, giảm thiểu rủi ro cho người lao động và doanh nghiệp.

**Điều 67.** Nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

1. Đóng góp của doanh nghiệp.
2. Đóng góp của người lao động.

3. Hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

4. Các nguồn thu hợp pháp khác.

**Điều 68.** Thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

1. Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập; quy định việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ của ngân sách nhà nước; mức hưởng của các đối tượng.

## Chương VI

### QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

**Điều 69.** Nội dung quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Quy định nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Tổ chức quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài; nghiên cứu để thực hiện quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đàm phán, ký kết các hiệp định về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

6. Tổ chức hoạt động xúc tiến phát triển thị trường lao động ngoài nước; quy định khu vực được đến làm việc ở nước ngoài; cung cấp thông tin về thị trường lao động ngoài nước.

7. Cấp, đổi, thu hồi Giấy phép, đình chỉ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; hiện các loại hợp đồng theo quy định tại Luật này.

8. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**Điều 70.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hiện quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo sự phân công
4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**Điều 71.** Trách nhiệm của cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài

1. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài; xử lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Luật này.
2. Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chính sách và phương thức tiếp nhận lao động nước ngoài.
3. Thông tin, hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận thị trường để ký kết Hợp đồng cung cấp lao động ở nước sở tại.
4. Hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam trong việc thẩm định các đề nghị đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, địa vị pháp lý của đối tác nước ngoài.
5. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của đại diện các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và phát sinh đối với người lao động.
6. Báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.
7. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư ở nước sở tại để đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**Điều 72.** Thanh tra về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo pháp luật về thanh tra.

## Chương VII

### GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ

**Điều 73.** Giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa người lao động và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký giữa các bên và quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng lao động nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước tiếp nhận người lao động, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, hoặc theo pháp luật của nước có quan hệ ngoại giao, cơ quan thuộC Chính phủ ký với bên nước ngoài.

3. Tranh chấp giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc giới nước ngoài được giải quyết trên cơ sở thỏa thuận đã ký giữa các bên và quy định người lao động, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thuộc Chính phủ ký với bên nước ngoài.

#### **Điều 74.** Xử lý vi phạm

Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 75.** Xử phạt vi phạm hành chính

1. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức động đi làm việc ở nước ngoài, người lao động đi làm việc ở nước ngoài có hành vi vi phạm tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người liên quan đến hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải chịu một trong các hình thức xử phạt sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này còn có thể bị xử phạt bằng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thu hồi Giấy phép;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Ngoài hình thức xử phạt chính và bổ sung, các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này còn phải chịu các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Đình chỉ có thời hạn hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện Hợp đồng cung ứng lao động;

c) Đưa người lao động về nước theo yêu cầu của nước tiếp nhận người lao động hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Bồi thường thiệt hại và chịu mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

đ) Các biện pháp khác do Chính phủ quy định.

5. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải chịu một trong các hình thức xử phạt sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

6. Ngoài hình thức xử phạt chính quy định tại khoản 5 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung buộc về nước.

7. Chính phủ quy định cụ thể hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, thủ tục xử phạt và các biện pháp khác để xác định được nơi cư trú của người lao động vi phạm.

#### **Điều 76.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra viên chuyên ngành khi tiến hành thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về việc ở nước ngoài.

2. Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ở nước ngoài theo các hình thức quy định tại Điều này.

### **Chương VIII**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 77.** Điều khoản áp dụng đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động

Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, bổ sung các điều kiện phù hợp với quy định của Luật này và gửi hồ sơ đổi Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động.

**Điều 78.** Hồ sơ, thủ tục đổi Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành

1. Hồ sơ đổi Giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp;

b) Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động đã được cấp;

c) Văn bản chứng minh đủ điều kiện về vốn pháp định quy định tại khoản 2 Điều 8 và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục đổi Giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét đổi Giấy phép cho doanh nghiệp, nếu không đổi Giấy phép phải trả lời và nêu lý do.

b) Trong thời gian kể từ ngày doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ hợp lệ cho đến khi được cấp Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động, doanh nghiệp được tiếp tục hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Doanh nghiệp phải chấm dứt hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nếu không được cấp Giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động.

- a) Sau một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày Luật này có hiệu lực mà doanh nghiệp không;
  - b) Kể từ ngày doanh nghiệp nhận được văn bản thông báo của Bộ Lao động - Thương nghiệp.
4. Trường hợp doanh nghiệp phải chấm dứt hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi doanh nghiệp phải thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 11 và khoản 1 Điều 24 của Luật
  5. Doanh nghiệp đổi Giấy phép theo quy định tại Điều này không phải nộp lệ phí.

**Điều 79.** Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2007.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

**Điều 80.** Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này./.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp*